

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/ dự toán mua sắm, gói thầu như: địa điểm thực hiện dự án/ dự toán mua sắm, quy mô của dự án/ dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp dịch vụ, thời gian thực hiện và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1.1. Dự án được duyệt:

- Tên dự án/dự toán mua sắm: thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026. Địa điểm: xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng;

- Giá dự toán được duyệt: 1.851.356.800 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm năm mươi một triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm đồng y);

- Qui mô thu gom, vận chuyển rác thải năm 2026 là: 3.976 tấn.

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn 15 thôn thuộc xã Phú Ninh, TP Đà Nẵng.

1.2. Gói thầu:

- Tên gói thầu: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên bàn xã Phú Ninh năm 2026;

- Giá gói thầu: 1.789.200.000 đồng, trong đó:

** Giá gói thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được xác định cho cơ sở vận chuyển từ các thôn trên địa bàn xã Phú Ninh về khu xử lý rác thải xã Tam Xuân 2, huyện Núi Thành cũ (theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam).*

- Thời gian thực hiện gói thầu: theo kế hoạch đấu thầu 12 tháng;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: theo thời gian thực tế của năm thực hiện hợp đồng;

- Hình thức/Phương thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi qua mạng/Một giai đoạn một túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 3 năm 2026;

- Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Phú Ninh;
- Quy mô, phạm vi gói thầu: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hằng ngày và rác thải các ngày lễ, Tết từ các điểm tập kết đến bãi thải tập trung xử lý rác theo quy định trên địa bàn tỉnh Quảng Nam với khối lượng dự kiến 3.976 tấn trên địa bàn 15 thôn thuộc xã Phú Ninh, TP Đà Nẵng.

2. Mục tiêu công việc:

Trong mục này Chủ đầu tư, Bên mời thầu cần cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về các dịch vụ sẽ được thực hiện để bảo đảm nhà thầu có thể lập E-HSMT một cách hiệu quả, chính xác và cạnh tranh nhất có thể.

Gói thầu được thực hiện đảm bảo mục tiêu vệ sinh môi trường, cảnh quan sạch đẹp trên địa bàn Xã Phú Ninh theo phương án dự toán được duyệt.

1. Khối lượng thực hiện thu gom, vận chuyển theo dự toán:

TT	Tên đơn vị	Số thôn	Số hộ	Khối lượng năm 2026 (tấn)	Ghi chú
1	Xã Phú Ninh	Thôn Long Khánh	512	320,532	
		Thôn Trung Đàn	560	350,582	
		Thôn Đại An	599	374,998	
		Thôn An Lâu	333	208,471	
		Thôn Bông Miêu	304	190,316	
		Thôn An Mỹ	207	129,590	
		Thôn Phước Bắc	146	91,402	
		Thôn Trung Sơn	285	178,421	
		Thôn Đàn Thượng	215	134,599	
		Thôn Đàn Trung	411	257,302	
		Thôn Ngọc Tú	542	339,314	
		Thôn Dương Đàn	412	257,928	
		Thôn Kỳ Tân	503	314,898	
		Thôn Cây Sanh	419	262,311	
		Thôn Khánh Tân	637	398,787	
2	Rác lễ, Tết			166,747	
Tổng cộng				3.976,200	

2. Lịch trình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2026:

2.1 Lịch trình thu gom rác, vận chuyển tuyến đường QL 40B và các tuyến đường trung tâm xã Phú Ninh là 03 lần/tuần.

2.2 Lịch trình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt các tuyến đường còn lại là 02 lần/tuần.

(Chi tiết Xem phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm Chương V, E.HSMT này)

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu chung về chất lượng dịch vụ:

Các dịch vụ được thực hiện đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Lập kế hoạch, tiến độ, biện pháp thực hiện công việc và báo cáo Chủ đầu tư để theo dõi, giám sát.

Rác thải sinh hoạt hàng ngày phải được thu gom đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh, không tồn đọng tại các điểm tập kết, không có ý kiến phản ánh tiêu cực từ người dân, doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn.

Quá trình cung cấp dịch vụ phải đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Sau khi thu gom phải dọn dẹp, vệ sinh điểm tập kết sạch sẽ.

Khi có yêu cầu từ các cuộc họp có liên quan do Chủ đầu tư tổ chức, Nhà thầu phải bố trí nhân sự quản lý chung, người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền tham dự.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu ảnh hưởng đến môi trường và các hành vi gây thiệt hại khác

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Nhà thầu phải có cam kết thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi chất thải sinh hoạt, rò rỉ nước từ rác, phát tán mùi hôi ra môi trường.

Nhà thầu phải có phương án ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ chất thải đối với trường hợp đang trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển trên đường.

3.3. Yêu cầu về an toàn lao động:

Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động; cụ thể: giày, mũ, quần áo bảo hộ lao động; găng tay, kính mắt chống vật bắn; khẩu trang ngăn ngừa mùi, khí độc hại và một số trang bị chuyên dùng khác tùy vị trí và công việc.

Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác an toàn lao động tại các vị trí thực hiện dịch vụ. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải ngừng ngay công việc để khắc phục đến khi đảm bảo an toàn lao động theo quy định.

Nhà thầu phải có Cam kết tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho người,

phương tiện của mình và các đối tượng chịu ảnh hưởng trong quá trình cung cấp dịch vụ; chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra việc mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm vì lỗi chủ quan của Nhà thầu.

Nhà thầu có đề xuất danh sách nhân sự sử dụng cho gói thầu đã qua đào tạo nghiệp vụ an toàn lao động theo quy định Hoặc Cam kết nhân sự sử dụng cho gói thầu đáp ứng yêu cầu trên (trường hợp nhà thầu Cam kết, cung cấp danh sách nhân sự theo cam kết trước khi ký kết hợp đồng chính thức);

Nhân sự thực hiện phải đảm bảo không vi phạm pháp luật hình sự, tuân thủ theo quy định Luật lao động, Luật Bảo hiểm và các quy định khác hiện hành.

3.4. Yêu cầu về an toàn giao thông:

Phương tiện vận chuyển Phải là xe chuyên dụng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đã được kiểm định và được cơ quan chức năng cấp phép lưu hành. Xe không được rò rỉ nước thải, rơi vãi rác, hoặc phát tán mùi hôi, bụi bẩn trong quá trình di chuyển. Phải có thùng chứa kín, đảm bảo an toàn, chắc chắn, không gây ô nhiễm tiếng ồn.

Phương tiện vận chuyển phải được đăng ký với cơ quan giám sát trước khi thực hiện dịch vụ. Việc thực hiện cung cấp dịch vụ phải đảm bảo quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Thông tư số: 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ TN&MT, Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng và các văn bản, quy định của địa phương có liên quan;

Nhân sự điều khiển phương tiện phải có bằng cấp phù hợp, tuân thủ quy định Luật giao thông khi thực hiện dịch vụ;

Tuân thủ nghiêm ngặt thời gian và lộ trình vận chuyển đã được quy định, tránh giờ cao điểm để không gây ùn tắc giao thông.

Trong quá trình thu gom, phương tiện phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (đặt biển báo, đèn tín hiệu).

Thực hiện thu gom, vệ sinh nhanh gọn, không để rác ùn ứ tại các điểm tập kết.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về các sự cố tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường do lỗi của đơn vị gây ra trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Phải tuân thủ các quy tắc về an toàn giao thông đường bộ và các nguyên tắc trong hợp đồng dịch vụ công đã ký kết.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

Kết quả đầu ra là môi trường thực hiện thu gom trên địa bàn được sạch đẹp, không phát sinh ô nhiễm, rác thải tồn đọng kéo dài. Chủ đầu tư sẽ căn cứ trên thực tế hiện trạng môi trường và ý kiến người dân/ doanh nghiệp/ đơn vị trên địa bàn để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng sản phẩm dịch vụ.

Phụ lục 1.

Lịch trình thu gom, vận chuyển rác thải bằng xe 600 kg trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026.

STT	Tuyến thu gom	Đầu tuyến	Điểm cuối	Tần suất thu gom/tuần (lần)
I	Thôn Trung Đàn			
1	Tuyến đường mẫu thôn Trung Đàn: 2kmx5m, 180 hộ	Nhà bà Hiếu	Nhà năm Bảo	2 lần/tuần
2	Kiệt tuyến đường mẫu vô thôn Đông Tây cũ: 200mx3m, 7 hộ	Từ đường mẫu	Nhà thôn Đông Tây	2 lần/tuần
3	Kiệt trên tuyến đường mẫu thôn Trung Đàn: 100mx3m, 5 hộ	Từ đường mẫu	Nhà ông Thiệp Quý	2 lần/tuần
4	Tuyến Hòa Tây đi Gò Tre: 2km, 170 hộ	Nhà Nguyễn Bá Bằng	Nhà Nguyễn Diệu	2 lần/tuần
5	Kiệt tuyến Hòa Tây đi Gò Tre: 100mx3m, 10 hộ	Cầu chui	Nhà ông Võ Hòe	2 lần/tuần
II	Thôn Đại An			
6	Tuyến DX2: 400mx3m, 30 hộ	Nhà Lê Văn Ấm	Nguyễn Thanh Cầu	2 lần/tuần
7	ĐH2- Điểm DLCĐL: 300mx3m, 6 hộ	Cổng chào	Kênh chính	2 lần/tuần
8	ĐH2- Nguyễn Thị Tá: 500mx3m, 40 hộ	ĐH2	Nhà Nguyễn Thị Tá	2 lần/tuần
9	Cầu số 3-ĐH2:1200m x 3m, 45 hộ	Cầu số 3- Cổng thủy lợi-Nhà thờ	ĐH2	2 lần/tuần
10	Kiệt kênh chính- kênh N2, 200m x3m, 20 hộ	Kênh chính	Kênh N2	2 lần/tuần

11	Nhà ông Ng Công Tướng-Đông Vông: 800m x3m, 20 hộ	Nhà Nguyễn Công Tướng	Đông Vông	2 lần/tuần
12	ĐX2- Kênh chính: 600m x3m, 30 hộ	Nhà bé Ly	Kênh chính	2 lần/tuần
13	ĐH2-Tạp hóa Hồng Diễm: 1000m x3m, 30 hộ	Tạp hóa Lan	Tạp hóa Hồng Diễm	2 lần/tuần
14	Kiệt Nguyễn Công Tướng-Phạm Ngọc Anh: 300m x 3m, 20 hộ	Nguyễn Công Tướng	Phạm Ngọc Anh	2 lần/tuần
15	Kiệt từ nhà Nguyễn Hội-Nguyễn Thanh Vũ: 600m x 3m, 40 hộ	Nguyễn Hội	Nguyễn Thanh Vũ	2 lần/tuần
16	Kiệt từ Bùi Ngọc Nhân-Nguyễn Hội: 200m x 3m, 30 hộ	Bùi Ngọc Nhân	Nguyễn Hội	2 lần/tuần
17	ĐX-Huỳnh Ngô: 700m x3m, 40 hộ	Cầu số 3	Huỳnh Ngô	2 lần/tuần
18	Kiệt tổ ĐK số5 -Trần Văn Nghiệm: 500m x 3m, 13 hộ	Cổng tổ ĐK số 5	Trần Văn Nghiệm	2 lần/tuần
19	ĐH2- Đặng Văn Thuận: 300m x3m, 20 hộ	ĐH2	Đặng Văn Thuận	2 lần/tuần
20	ĐH2-Trần Ngọc Hoàng: 1200m x6m, 60 hộ	ĐH2	Trần Ngọc Hoàng	2 lần/tuần
21	ĐX- Nguyễn Văn Quang: 600m x3m, 40 hộ	ĐX	Nguyễn Văn Quang	2 lần/tuần
22	ĐH2-Khu dân cư mới: 1200mx 6m, 70 hộ	Cổng tổ ĐK số 7	Khu dân cư mới	2 lần/tuần
23	ĐX-Võ Ngọc Mỹ: 300m x 3m, 20 hộ	Võ Thị Nga	Võ NGọc Mỹ	2 lần/tuần
24	ĐH2- Phạm Ngọc Dũng: 1400m x 5m, 60 hộ	ĐH2	Phạm Ngọc Dũng	2 lần/tuần
III	Thôn Long Khánh			
25	Kênh chính:300m x 3,5m, hộ	Tạ Sự	Trần Thị Thương	2 lần/tuần

26	Lê Văn Khánh-Ng Hạnh: 500m x3,5m, 35 hộ	Lê Văn Khánh	Ng Hạnh	2 lần/tuần
27	Ng Văn Thành-Lê Văn Thành: 1000m x 3,5m, 100 hộ	Ng Văn Thành	Lê Văn Thành	2 lần/tuần
28	Thái Viết Tư-Ng Văn Danh: 600m x 3,5m, 30 hộ	Thái Viết Tư	Ng Văn Danh	2 lần/tuần
29	Bùi Tấn Dũng-Thái Viết Nghĩa: 700m x 3,5m, 45 hộ	Bùi Tấn Dũng	Thái Viết Nghĩa	2 lần/tuần
30	Lê Văn Lý-Ng Phương: 1000m x 3,5m, 40 hộ	Lê Văn Lý	Nguyễn Phương	2 lần/tuần
31	Nguyễn Thị Tiến-Trần Văn Tâm: 500m x 3,5m, 20 hộ.	Nguyễn Thị Tiến	Trần Văn Tâm	2 lần/tuần
32	Nguyễn Tiến DũngNguyễn Thành Hung: 200m x 3,5m, 40 hộ	Nguyễn Tiến Dũng	Nguyễn Thành Hung	2 lần/tuần
33	Lê Văn Sử-Dương Thị Nhiên: 100m x3,5m, 10 hộ	Lê Văn Sử	Dương Thị Nhiên	2 lần/tuần
34	Trần Hoàng- Võ Thành Trung, 500m x 3,5m, 40 hộ	Trần Hoàng	Võ Thành Trung	2 lần/tuần
IV	Thôn Dương Đàn			
35	ĐX-Trương Văn Năm: 1000m x 2,5m, 30 hộ (dọc kênh Dương Lâm)	Lê Văn Dũng	Trương Văn Năm	2 lần/tuần
36	ĐX- Mẫu giáo cũ: 2000m x 2,5m, 70 hộ	Huỳnh Thị Ngọc	Dương Ngọc Phương	2 lần/tuần
37	ĐX-Cao Minh Tâm: 1500m x 2,5m, 70 hộ	Tổ ĐK 2B	Cao Minh Tâm	2 lần/tuần
38	ĐH9- Trần Công Tiến: 2000m x4m, 200 hộ	Ngã ba Tam Vinh	Trần Công Tiến	2 lần/tuần
39	Cổng tổ ĐK số 4-Nhà Huỳnh Xuân Hòe: 400m x 3m, 20 hộ	Cổng tổ ĐK số 4	Nhà Huỳnh Xuân Hòe	2 lần/tuần

40	ĐX-ĐH9: 400m x3m, 15 hộ	Trần Công Tiến	ĐH9	2 lần/tuần
41	ĐH9- Trương Văn Chinh: 3000m x 4m, 150 hộ	Ngã tư đèn xanh, đỏ	Trương Văn Chinh	2 lần/tuần
42	Kiệt: Quán thiệu-Nhà Nguyễn Ngọ: 1000m x3m, 40 hộ	Quán Thiệu	Nguyễn Ngọ	2 lần/tuần
43	Kiệt: Võ Thanh HoànNguyễn Thị Mai: 150m x 3m, 8 hộ	Võ Thanh Hoàn	Nguyễn Thị Mai	2 lần/tuần
V	Thôn Ngọc Tú			
44	ĐH11- Núi Chúa: 3000m x 3m, 100 hộ	Nhà bà Xuyên	Núi Chúa, hố Ré	2 lần/tuần
45	QL 40B- Trần Thị Lan: 1000m x 3m, 35 hộ	QL 40B	Trần Thị Lan	2 lần/tuần
46	QL 40B- Nguyễn Thị Lai: 900m x3m, 50 hộ	QL 40B	Nguyễn Thị Lai	2 lần/tuần
47	QL 40B- Hồ Đức Mãi: 1000m x 3m, 40 hộ	QL 40B	Hồ Đức Mãi	2 lần/tuần
48	QL 40B- Ngã ba Trà Thành: 500m x3m, 20 hộ	QL 40B	Ngã ba Trà Thành	2 lần/tuần
49	Ngã ba Trà Thành- Tam Vinh: 300m x 4m, 20 hộ	Ngã ba Trà Thành	Tam Vinh	2 lần/tuần
50	Ngã tư Suối Đá-Tiên Phong: 1200m x 6m, 70 hộ	Ngã tư Suối Đá	Tiên Phong	2 lần/tuần
51	ĐH11: 1000m x 5m, 70 hộ	QL 40B	Giáp Tiểu Tây	2 lần/tuần
52	Kiệt ĐH11- Huỳnh Thị Xuân: 700m x 3m, 15 hộ	ĐH11	Huỳnh Thị Xuân	2 lần/tuần
53	Kiệt ĐH11- Phan Công Kim: 200m x 3m, 4 hộ	ĐH 11	Phan Công Kim	2 lần/tuần
54	Kiệt ĐH11-Trần Văn Dũng: 100mx 3m, 5 hộ	ĐH11	Trần Văn Dũng	2 lần/tuần

55	QL 40B-ngã ba, đường lội tổ 5: 300m x 3m, 12 hộ	QL40B	Ngã ba, đường lội tổ 5	2 lần/tuần
56	QL 40B-ngã ba, đường bê tông: 300m x 3m, 10 hộ	QL40B	Ngã ba, đường bê tông, tổ 6	2 lần/tuần
57	Kiệt ĐH11- Thái Viêt Khánh: 150m x2,5m, 5 hộ	ĐH11	Thái Viêt Khánh	2 lần/tuần
58	Chợ Suối Đá (cũ)- Mai Văn Tình: 800m x 3m, 35 hộ	Chợ Suối Đá cũ	Nhà Mai Văn Tình	2 lần/tuần
VI	Thôn Cây Sanh			
59	Từ nhà Hùng Hạnh- QL 40B: 400m x 6m, 10 hộ	Nhà Hùng Hạnh	Nhà Hải Dự	2 lần/tuần
60	Kiệt: nhà ông Ngử-nhà bà Nga: 200m x 2,5m, 7 hộ (không có điểm quay đầu xe)	Nhà ông Ngử	Nhà bà Nga	2 lần/tuần
61	QL 40B- Trường Nguyễn Dục: 50m x 6m, 12 hộ	QL 40B	Trường Nguyễn Dục	2 lần/tuần
62	QL 40- Khu Nhà vườn: 700m x 6m, 20 hộ	Nhà bà Hậu	Khu Nhà vườn	2 lần/tuần
63	QL 40B- nhà ông Trí: 1200m x3m, 50 hộ	QL 40B	Nhà ông Trí	2 lần/tuần
64	Kiệt nhà anh Cẩm-nhà anh Khánh: 200m x 2,5m, 9 hộ dân	Nhà anh Cẩm	Nhà anh Khánh	2 lần/tuần
65	Kiệt nhà ông Kim-nhà ông Hùng: 500m x 3m, 20 hộ	Nhà ông Kim,	Nhà ông Hùng	2 lần/tuần
66	QL 40B-Nhà Nhung Phi: 200m x 2,5m, 15 hộ	QL 40B	Nhà Nhung Phi	2 lần/tuần
67	QL 40B-Nhà Huỳnh Ngọc Bình: 800m x 2,5m, 35 hộ	QL 40B	Nhà Huỳnh Ngọc Bình	2 lần/tuần
VI	Thôn Kỳ Tân			

68	QL 40B-Nhà Nguyễn Thị Nhung: 500m x3m, 20 hộ	QL 40B	Nhà Nguyễn Thị Nhung	2 lần/tuần
69	ĐX2-Huỳnh Ngọc Tụ: 250m x 3m, 15 hộ	ĐX 2	Nhà Huỳnh Ngọc Tụ	2 lần/tuần
70	ĐH4 – Dương Thị Lượng: 200m x 3m, 8 hộ	ĐH4	Nhà Dương Thị Lượng	2 lần/tuần
71	ĐX2-Nhà Huỳnh Ngọc Nhân: 3000m x2,5m, 70 hộ	ĐX 2	Nhà Huỳnh Ngọc Nhân	2 lần/tuần
72	Kiệt: Tổ ĐK số 4-ĐX2: 300m x 2,5m, 25 hộ	Tổ ĐK số 4	ĐX2	2 lần/tuần
73	Kiệt: Thời Trang Kim Loan- ĐX2: 250m x 2,5m, 8 hộ	Thời trang Kim Loan	ĐX2	2 lần/tuần
74	ĐH4- Xóm Lò: 800m x 3m, 10 hộ (đường dài, ít hộ)	ĐH4	Nhà Trần Thanh Đăng	2 lần/tuần
75	ĐH4-NHà thôn Dương Lâm (cũ): 1000m x 2,5m, 30 hộ;	ĐH4	Nhà thôn Dương Lâm (cũ)	2 lần/tuần
76	QL 40B-nhà ông Võ Quý Anh: 1000m x 3,5m, 30 hộ	QL40B	Nhà ông Võ Quý Anh	2 lần/tuần
77	ĐH4- Đập Đá: 600m x3m, 12 hộ	ĐH4	Nhà ông Trần Văn Dũng	2 lần/tuần
78	ĐX2-Mai Văn Thìn: 500m x 2,5m, 20 hộ	ĐX2	Nhà ông Thìn	2 lần/tuần
VIII	Thôn Khánh Tân			
79	Kênh N6-Tổ ĐK số 1: 700m x 2,5m, 60 hộ	Kênh N6	Tổ ĐK số 1	2 lần/tuần
80	Kiệt nhà ông Phạm Văn Sơn-Phạm Hữu Tường: 400m x 2,5m, 12 hộ	Nhà Phạm Văn Sơn	NHà Phạm Hữu Tường	2 lần/tuần
81	Tuyến Tổ ĐK số 2: 1300m x 5,5m, 80 hộ	ĐH2	Kênh chính Phú Ninh	2 lần/tuần

82	Kiệt: Nguyễn Thị Liệp Nguyễn Thị Sen: 650m x 2,5m, 40 hộ	Nhà bà Liệp	Nhà bà Sen	2 lần/tuần
83	Kiệt: Từ Võ Văn Hùng TRẦN Văn Tạ, Phạm Viết Phú: 750m x 2,5m, 25 hộ	Nhà Võ Văn Hùng	Nhà Trần Văn Tạ; Phạm Viết Phú	2 lần/tuần
84	QL 40B- Kênh N6: 550m x 5m, 55 hộ; có 01 kiết nhỏ, 20 hộ, xe vô không được	QL 40B	Kênh N6	2 lần/tuần
85	Kênh Phú Ninh-Xã Tam Thái (cũ): 700m x 3m, 25 hộ	Kênh Phú Ninh	Giáp xã Tam Thái (cũ)	2 lần/tuần
86	Kênh Phú Ninh- ĐH2: 500m x 2,5m, 15 hộ	Kênh Phú Ninh	ĐH2	2 lần/tuần
87	QL 40B- Nhà thờ Tộc Mai: 700m x 2,5m, 45 hộ	QL 40B	Nhà thờ Tộc Mai	2 lần/tuần
88	QL 40B- Kênh N6: 1000m x 2m, 45 hộ	QL 40B	Kênh N6	2 lần/tuần
89	ĐH2- Phú Thịnh: 2000m x 7m, 60 hộ	ĐH2	Giáp Phú Thịnh	2 lần/tuần
90	QL 40B-ĐH2: 1300m x 2,5m, 100 hộ	QL 40B,	ĐH2	2 lần/tuần
91	Kiệt: Phạm Thanh Xuân- Phạm Phú Hưu: 750m x 2,5m, 25 hộ	Phạm Thanh Xuân	Phạm Phú Hưu	2 lần/tuần
92	Kiệt: Phạm Ngọc Hòa Phùng Văn Nhẫn: 600m x 2,5m, 45 hộ	Phạm Ngọc Hòa	Phạm Niệm; Phùng Văn Nhẫn.	2 lần/tuần
93	Kiệt: Huỳnh Hữu Đức Phạm Thừa: 800m x 3m, 45 hộ.	Huỳnh Hữu Đức	Phạm Thừa	2 lần/tuần
IX	Thôn Đán Trung			
94	QL 40B-ĐH4: 300m x 2,5m, 40 hộ	Trần Hùng Nhân	Bùi Thị Thu	2 lần/tuần

95	QL 40B-Nhà bà Hồng:500m x 2,5m, 30 hộ	Đặng Văn Thống	Nhà bà Hồng	2 lần/tuần
96	Kiệt nhà ông Võ Sinh Nhà ông Nguyễn Bình: 340m x 3m, 20 hộ	Nhà ông Võ Sinh	Nhà ông Nguyễn Bình	2 lần/tuần
97	QL40B- nhà ông Phạm Xuân Hoàng: 2000m x 2,5m, 75 hộ	QL 40B	Nhà ông Hoàng	2 lần/tuần
98	Kiệt: nhà ông Nguyễn Mai- Trần Khánh Dư: 500m x 2,5m, 15 hộ	Nhà ông Nguyễn Mai	Nhà ông Trần Khánh Dư	2 lần/tuần
99	Kiệt: nhà ông Dương Đình Mãi-Bùi Thị Xuân: 350m x 2,5m, 25 hộ	Dương Đình Mãi	Bùi Thị Xuân	2 lần/tuần
100	Tuyến dọc kênh chính: 1000m x 3m, 45 hộ	Nhà Nguyễn Khoa	Nhà Huỳnh Ngọc Tân	2 lần/tuần
101	Từ nhà Nguyễn Phước Đức- Nhà Huỳnh Ngọc Phước: 600m x 3m, 12 hộ	2 lần/tuần		
101	QL 40B- Trần Đình Hải: 700m x 2,5m, 45 hộ	Nhà Nguyễn Luật	Nhà Nguyễn Hải	2 lần/tuần
102	QL 40B-nhà ông Võ Ngọc Nhã: 300m x 2,5m, 25 hộ	Nhà ông Nguyễn Văn Chương	Nhà ông Nhã	2 lần/tuần
X	Thôn Bồng Miêu			
103	Cổng chào đi hồ Nà rằm, 500m x 3,5m; 30 hộ	Cổng chào	Nhà bà Nguyễn Thị Anh	2 lần/tuần
104	Cổng chào đi Văn phòng Công ty BM, 300m x 3,5m; 30 hộ	Cổng chào	Cà phê Chín	2 lần/tuần
105	Cầu Trà Ly-Điểm tập kết rác vực ông Tuấn, 1000m x 3,5m; 30 hộ	Cầu Trà Ly	Điểm tập kết rác vực ông Tuấn	2 lần/tuần
XI	Thôn An Lâu			

106	ĐH4-Đồng Cung: 700m x 3,5m, 27 hộ	ĐH4	Nhà ông Thuận	2 lần/tuần
107	ĐH4-nhà ông Lê Văn Sĩ: 900m x 3,5m, 34 hộ	ĐH4	Nhà ông Sĩ	2 lần/tuần
108	ĐH4-Sân bóng: 200m x 3,5m, 10 hộ	ĐH4	Sân bóng	2 lần/tuần
109	ĐH4-xóm Đồng Lầy: 500m x 3,5m, 15 hộ	ĐH4	Nhà ông Ty	2 lần/tuần
XII	Thôn Trung Sơn:			
110	ĐH13- Cầu ông 4 Bé: 300m x 3,5m, 15 hộ	ĐH13	Nhà ông 4 Bé	2 lần/tuần
111	ĐH13- đèo Truong Cau: 500m x 3,5m, 25 hộ	ĐH13	Nhà ông Phan Văn Cường	2 lần/tuần
XIII	Thôn Đàn Thượng			
112	ĐH13- Xóm Gò Vườn: 400m x 3,5m, 15 hộ	ĐH13	Nhà ông Lê Đắc Cường	2 lần/tuần
113	ĐH13- Xóm hồ Môn: 400m x 3,5m, 25 hộ	ĐH13	Nhà ông Lê Hồng Thế	2 lần/tuần
114	ĐH13- Khu tái định cư: 250m x 3,5m, 15 hộ	ĐH13	Khu tái định cư	2 lần/tuần
115	ĐH13- Cầu ông Ân: 300m x 3,5m, 17 hộ	ĐH13	Cầu ông Ân	2 lần/tuần
XIV	Thôn An Mỹ			
116	ĐH4- nhà ông Lực: 700m x 3,5m, 15 hộ	ĐH4	Nhà ông Lực	2 lần/tuần
117	Nhà ông Cường- nhà ông 6 Lợi: 1200m x 3,5m, 35 hộ	Nhà ông Cường	Nhà ông 6 Lợi	2 lần/tuần
118	ĐH4- Hồ Vông: 1200m x 3,5m, 20 hộ	ĐH4	Nhà ông Hiền Liên	2 lần/tuần
119	ĐH4-Hồ Vu: 1000m x 3,5m, 17 hộ	ĐH4	Nhà bà Xuân	2 lần/tuần
XV	Thôn Phước Bắc			
120	ĐH 4- nhà ông Nguyễn Văn Ngọc: 400m x 3,5m, 7 hộ	ĐH4	Nhà ông Ngọc	2 lần/tuần

Phụ lục 2

Lịch trình thu gom, vận chuyển rác thải bằng xe cuộn ép 15m³ trên địa bàn xã Phú Ninh năm 2026.

STT	Tuyến thu gom	Vị trí thu gom	Khu xử lý rác	Tần suất thu gom/tuần (lần)
I	Xã Tam Lãnh (cũ)			
1	Tuyến Bồng Miêu	Dọc tuyến ĐH4 và các điểm tập kết rác thôn Bồng Miêu	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
2	Tuyến An Lâu, Trung Sơn, Đản Thượng	Dọc tuyến ĐH4, ĐH13 và điểm tập kết rác chợ An Lâu	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
3	Tuyến thôn Phước Bắc, An Mỹ	Dọc tuyến ĐH4, điểm du lịch cộng đồng và điểm tập kết rác trên địa bàn thôn An Mỹ	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
II	Xã Tam Đại (cũ)			
1	Tuyến Tam Đại đi Tam Dân (cũ)	Dọc tuyến ĐH2 và các điểm thu gom rác	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
2	Tuyến cầu ba Ngôn đi hồ Phú Ninh	Cầu Bà Ngôn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
3	Tuyến cầu ba Ngôn đi hồ Phú Ninh	Điểm tập kết gần Khu du lịch sinh thái Phú Ninh	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
III	Xã Tam Dân (cũ)			

1	Tuyến qua huyện Phú Ninh (cũ)	Đọc tuyến ĐH2 giáp xã Chiên Đàn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
2	Tuyến Quốc lộ 40B	Đọc tuyến Quốc lộ 40B	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	3 lần/ tuần
3	Tuyến đi Ao cá (DH9)	Điểm tập kết Ao cá DH9 Dương Đàn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
4	Tuyến Khánh Tân	Đọc các tuyến đường chính trên địa bàn thôn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
5	Tuyến Suối Đá	Đọc các tuyến đường chính trên địa bàn thôn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	3 lần/ tuần
6	Tuyến thôn Dương Đàn	Đọc các tuyến đường chính trên địa bàn thôn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần
7	Tuyến thôn Ngọc Tú	Đọc các tuyến đường chính trên địa bàn thôn	Tạm tính tới bãi Tam Xuân	2 lần/ tuần

Ghi chú: Tùy vào điều kiện thực tế, đơn vị trúng thầu việc thu gom, vận chuyển rác thải năm 2026 trên địa bàn xã Phú Ninh tăng cường số chuyến thu gom vào các dịp lễ, tết cho phù hợp, đảm bảo không tồn đọng rác tại các khu dân cư trên địa bàn xã.